

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

THÁI NGUYÊN, NĂM 2025

Số: 2063/QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ nghị quyết số 39/NQ-HĐĐTHN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3561/QĐ-ĐHKTCN ngày 12/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3571/QĐ-ĐHKTCN ngày 14/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học cho chương trình tiên tiến của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

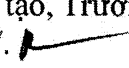
Căn cứ Biên bản số 86/BB-HĐKH&ĐT ngày 14/08/2025 của Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này thay thế cho các Quyết định số 1848/QĐ-ĐHKTCN ngày 12/7/2022; Quyết định số 2325/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Các PHT;
- Các Khoa, Phòng TT&QLCL;
- Lưu: VT, ĐT.



TS. TS. Đỗ Trung Hải

DANH SÁCH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2063/QĐ-ĐHKTCN ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

1. NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

TT	Mã ngành	Ngành	Chuyên ngành	
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí	1	Cơ khí chế tạo máy
			2	Tự động hóa thiết kế và chế tạo
2	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3	Công nghệ sản xuất tự động
			4	Công nghệ khuôn mẫu
3	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	5	Kỹ thuật Cơ điện tử
4	7520903	Kỹ thuật vật liệu	6	Kỹ thuật vật liệu
5	7520107	Kỹ thuật Robot	7	Robot và trí tuệ nhân tạo
6	7520116	Kỹ thuật Cơ khí động lực	8	Cơ khí động lực
			9	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh
			10	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh
7	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	11	Công nghệ ô tô
			12	Công nghệ nhiệt lạnh ô tô
			13	Công nghệ cơ điện tử ô tô
			14	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai
8	7580201	Kỹ thuật xây dựng	15	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
9	7580101	Kiến trúc	16	Kiến trúc công trình
10	7520320	Kỹ thuật môi trường	17	Kỹ thuật môi trường
			18	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị
11	7520201	Kỹ thuật điện	19	Kỹ thuật điện và công nghệ thông minh
			20	Hệ thống điện
			21	Thiết bị điện – điện tử

			22	Điện công nghiệp và dân dụng
12	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	23	Tự động hóa công nghiệp
			24	Kỹ thuật điều khiển
13	7510303	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	25	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa
14	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	26	Điện tử viễn thông
			27	Kỹ thuật điện tử
			28	Công nghệ IoT và hệ thống điện tử thông minh
			29	Truyền thông và mạng máy tính
			30	Quản trị mạng và truyền thông
			31	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch
15	7480106	Kỹ thuật máy tính	32	Tin học công nghiệp
			33	Kỹ thuật dữ liệu và trí tuệ nhân tạo
			34	Hệ thống nhúng và IoT
			35	Kỹ thuật phần mềm.
16	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	36	Công nghệ kỹ thuật điện
17	7510202	Công nghệ chế tạo máy	37	Công nghệ chế tạo máy
18	7510601	Quản lý công nghiệp	38	Quản lý công nghiệp
			39	Logistics
19	7510604	Kinh tế công nghiệp	40	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp
			41	Quản trị doanh nghiệp công nghiệp
20	7220201	Ngôn ngữ Anh	42	Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ
21	7905218	Kỹ thuật cơ khí-Chương trình tiên tiến	43	Kỹ thuật cơ khí
			44	Tự động hóa cơ khí
22	7905228	Kỹ thuật điện – Chương trình tiên tiến	45	Kỹ thuật điện

Ấn định danh sách: 22 ngành; 45 chuyên ngành.

2. NGÀNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG

TT	Mã ngành	Ngành	Chuyên ngành	
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí	1	Cơ khí chế tạo máy
2	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2	Công nghệ sản xuất tự động
3	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	3	Kỹ thuật Cơ điện tử
4	7520903	Kỹ thuật vật liệu	4	Kỹ thuật vật liệu
5	7520116	Kỹ thuật Cơ khí động lực	5	Cơ khí động lực
			6	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh
6	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	7	Công nghệ ô tô
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng	8	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
8	7520320	Kỹ thuật môi trường	9	Kỹ thuật môi trường
9	7520201	Kỹ thuật điện	10	Kỹ thuật điện và công nghệ thông minh
			11	Hệ thống điện
			12	Thiết bị điện – điện tử
			13	Điện công nghiệp và dân dụng
10	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	14	Tự động hóa công nghiệp
			15	Kỹ thuật điều khiển
11	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	16	Điện tử viễn thông
			17	Kỹ thuật điện tử
12	7480106	Kỹ thuật máy tính	18	Tin học công nghiệp
			19	Kỹ thuật dữ liệu và trí tuệ nhân tạo
			20	Hệ thống nhúng và IoT
			21	Kỹ thuật phần mềm.
13	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22	Công nghệ kỹ thuật điện
14	7510202	Công nghệ chế tạo máy	23	Công nghệ chế tạo máy
15	7510601	Quản lý công nghiệp	24	Quản lý công nghiệp
16	7510604	Kinh tế công nghiệp	25	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	26	Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ

Ấn định danh sách: 17 ngành; 26 chuyên ngành.

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Quản lý công nghiệp

Mã ngành: 7510601

Chuyên ngành đào tạo: Quản lý công nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh thông qua kỳ thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình theo Quy chế đào tạo

Tên văn bằng: Cử nhân Quản lý công nghiệp

(Chương trình đào tạo được ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHKTCN ngày tháng năm 202 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công).

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp cung cấp một chương trình đào tạo toàn diện cho các cử nhân chuyên ngành Quản lý công nghiệp có những kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý tại các tổ chức, doanh nghiệp công nghiệp; có phẩm chất nghề nghiệp vững vàng, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc tiên tiến.

2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất:

M1: Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học kỹ thuật và kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học, từ đó, có thể vận dụng vào những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý, phân tích, liên kết các yếu tố trong ngành công nghiệp và vận dụng giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý công nghiệp.

M2: Trang bị các kỹ năng mềm cơ bản và kỹ năng nghề, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết

các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; chủ động nghiên cứu và khám phá tri thức với tinh thần trách nhiệm cao.

M3: Hiểu biết về môi trường, hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và kiểm tra các hoạt động, đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề trong quản lý hệ thống công nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 2 CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra cấp độ 2 của chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn	2
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.	3
1.3	Vận dụng kiến thức chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý để phân tích, liên kết các yếu tố trong ngành công nghiệp và vận dụng giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý công nghiệp.	3
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề	3
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn	3
2.3	Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống	3
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Quản lý thời gian và nguồn lực; Kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao	3
2.5	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Trung thực, khách quan, đoàn kết, Thái độ hành xử chuyên nghiệp; Giữ gìn uy tín nghề nghiệp; Hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội	3
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN	
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề	3

	phát sinh trong quá trình làm việc nhóm	
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ	3
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải	3
4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp	3
4.3	Nhận biết, tìm kiếm, phân tích và lựa chọn dự án - ý tưởng kinh doanh, lựa chọn loại hình, phương thức sản xuất và lựa chọn thành viên và vị trí trong chuỗi cung ứng.	3
4.4	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án – ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình sản xuất và xây dựng mô hình chuỗi cung ứng	3
4.5	Phân bổ quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức/doanh nghiệp, Triển khai, điều phối nguồn lực và kiểm soát thực hiện dự án – ý tưởng kinh doanh, Vận hành quy trình sản xuất, điều phối nguồn lực và kiểm soát chất lượng; Xây dựng và phát triển hệ thống chuỗi cung ứng của tổ chức/doanh nghiệp	3
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong tổ chức/doanh nghiệp và đề xuất phương án cải tiến	3

IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU – CĐR

CĐR	Nội dung	Mục tiêu của CTĐT			
		M1	M2	M3	M4
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH				
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn	✓	✓	✓	
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.		✓		

1.3	Vận dụng kiến thức chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý, phân tích, liên kết các yếu tố trong ngành công nghiệp và vận dụng giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý công nghiệp.		✓	✓	
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP			✓	
2.1	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề			✓	
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn			✓	
2.3	Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống			✓	
2.4	Rèn luyện ý năng và thái độ cá nhân: Quản lý thời gian và nguồn lực; Kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao			✓	
2.5	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Trung thực, khách quan, đoàn kết, Thái độ hành xử chuyên nghiệp; Giữ gìn uy tín nghề nghiệp; Hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội			✓	
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN				
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm				✓
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ				✓
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ - CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI				✓
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải			✓	✓

4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp			✓	✓
4.3	Nhận biết, tìm kiếm, phân tích và lựa chọn dự án - ý tưởng kinh doanh, lựa chọn loại hình, phương thức sản xuất và lựa chọn thành viên và vị trí trong chuỗi cung ứng.			✓	✓
4.4	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án – ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình sản xuất và xây dựng mô hình chuỗi cung ứng			✓	✓
4.5	Phân bổ quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức/doanh nghiệp, Triển khai, điều phối nguồn lực và kiểm soát thực hiện dự án – ý tưởng kinh doanh, Vận hành quy trình sản xuất, điều phối nguồn lực và kiểm soát chất lượng; Xây dựng và phát triển hệ thống chuỗi cung ứng của tổ chức/doanh nghiệp			✓	✓
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong tổ chức/doanh nghiệp và đề xuất phương án cải tiến			✓	✓

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân của ngành Quản lý công nghiệp có thể:

1. Làm việc ở vị trí một cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, đặc biệt có lợi thế trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp.
2. Làm việc trong các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.
3. Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho bản thân.
4. Làm việc trong các sở, ban, ngành thuộc các cơ quan chính quyền.
5. Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về quản trị kinh doanh tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

VI. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân của ngành Quản lý công nghiệp có thể:

1. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.
2. Nâng cao trình độ sau đại học (bậc thạc sĩ và tiến sĩ) các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

VII. MÔ TẢ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

1.1. Phân bổ khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	27	4
- Lý luận chính trị, Pháp luật	13	13	0
- Toán và khoa học tự nhiên	2	2	0
- Khoa học, xã hội và môi trường	4	0	4
- Ngoại ngữ	9	9	0
- Tin học	3	3	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp	90	85	5
- Cơ sở nhóm ngành và ngành	51	51	0
- Chuyên ngành	25	20	5
- Liên ngành	5	5	0
- Thực hành, thực tập xưởng			
- Thực tập và Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	9	9	0
Khối kiến thức GDTC và GDQP			
- Giáo dục thể chất			
- Giáo dục quốc phòng			
Tổng	121	112	9

1.2. Nội dung chương trình đào tạo

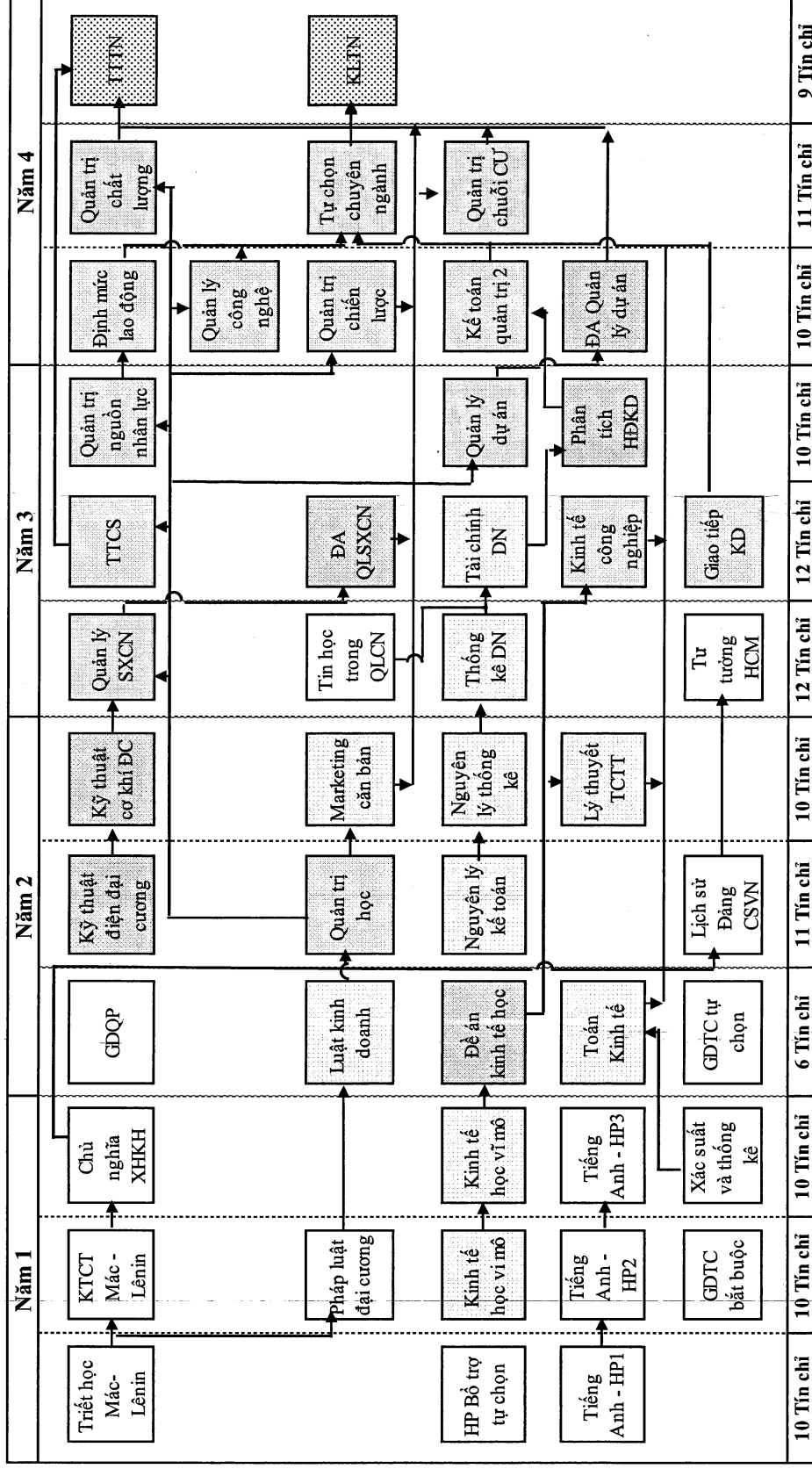
Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		31						
I	Học phần bắt buộc		27						
1	BAS123	Triết học Mác – Lênin	3	45					BM. LLCT
2	BAS215	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30			BAS123		
3	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			BAS215		
4	BAS217	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	30			BAS305		
5	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			BAS217		
6	BAS0210	Xác suất và thống kê	2	30					K. KHCB
7	ENG112	Tiếng Anh 1	3	45					K. Quốc tế

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
8	ENG113	Tiếng Anh 2	3	45			ENG112		
9	ENG217	Tiếng Anh 3	3	45			ENG113		
10	FIM0301	Tin học trong QLCN	3	15	30				K. KTCN
11	FIM207	Pháp luật đại cương	2	30			BAS123		BM. LLCT
12	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc							K. KHCB
13	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 2 học phần)								
13.1	B103BC1	Bóng chuyền 1							K. KHCB
13.2	B103BD1	Bóng đá 1							
13.3	B103BR1	Bóng rổ 1							
13.4	B103CL1	Cầu lông 1							
13.5	B103PK1	Pickleball 1							
13.6	B103BH1	Bóng chuyền hơi 1							
14	Giáo dục QP-AN								
II.2	Học phần bổ trợ tự chọn (Trải nghiệm - Kinh tế - Văn hóa - Xã hội - Môi trường)		4						
15	Học phần tự chọn đại cương		4						
15.1	FIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(2)	30					K. KTCN
15.2	FIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	(2)	30					
15.3	FIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	(2)	30					
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
I	Khối kiến thức liên ngành, nhóm ngành và sơ sở ngành								
I.1	Kiến thức liên ngành tự chọn		5						
16	MEC0336	Kỹ thuật cơ khí đại cương	2	30					K. Cơ khí
17	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	45					K. Điện
II.1	Kiến thức cơ sở nhóm ngành		32						

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
18	FIM330	Luật kinh doanh	2	30			FIM207		BM. LLCT
19	FIM214	Toán Kinh tế	3	45					K. KTCN
20	FIM204	Kinh tế học vi mô	3	45					
21	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	45			FIM204		
22	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45			FIM205		
23	FIM206	Nguyên lý kế toán	3	45					
24	FIM331	Marketing căn bản	3	45			FIM208		
25	FIM213	Nguyên lý thống kê	2	30			FIM204-BAS0201		
26	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	45			FIM205 FIM213		
27	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	45			FIM206		
28	FIM482	Phân tích hoạt động KD	3	45			FIM334		
29	FIM0380	Đề án Kinh tế học	1	15		FIM204 FIM205			
III.1	Kiến thức cơ sở ngành		19						
	Học phần bắt buộc		19						
30	FIM208	Quản trị học	3	45					K. KTCN
31	FIM325	Kế toán quản trị 2	2	30			FIM206 FIM213		
32	FIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	45			FIM208		
33	FIM489	Quản trị chiến lược	3	45			FIM208 FIM331		
34	FIM367	Kinh tế công nghiệp	3	45			FIM204 FIM205		
35	FIM0381	Thực tập cơ sở ngành QLCN	2	30		FIM208	FIM0324		
36	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	45			FIM208		
IV	Khối kiến thức chuyên ngành		25						
	Học phần bắt buộc		20						
37	FIM364	Quản trị chất lượng	3	45		FIM208	FIM0324		K. KTCN
38	FIM451	Quản lý công nghệ	2	30			FIM208		K. KTCN
39	FIM361	Quản lý dự án	4	60			FIM208 FIM331		

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
40	FIM0324	Quản lý sản xuất CN	4	60		FIM208			
41	FIM0390	Định mức lao động	2	30			FIM0324		
42	FIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45			FIM0324		
43	FIM323	Đề án Quản lý dự án	1	15		FIM361			
44	FIM369	Đề án Quản lý sản xuất CN	1	15		FIM0324			
45	Học phần tự chọn chuyên ngành (chọn 1 trong 4 tổ hợp học phần)		5						
	Tổ hợp 01								
45.1	FIM0475	Quản trị theo mục tiêu	(2)	30		FIM361			K. KTCN
45.1	FIM0471	Khởi sự kinh doanh	(3)	45		FIM361			
	Tổ hợp 02								
45.2	FIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	(2)	30		FIM331			K. KTCN
45.2	FIM0472	Quản trị thương hiệu	(3)	45		FIM331			
	Tổ hợp 03								
45.3	FIM493	Văn hóa kinh doanh	(2)	30		FIM497			K. KTCN
45.3	FIM494	Kỹ năng quản trị	(3)	45		FIM497			
	Tổ hợp 04								
45.4	FIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	(2)	30		FIM0324			K. KTCN
45.4	FIM0484	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	(3)	45		FIM364			
	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		9						
46	FIM4103	Thực tập tốt nghiệp	3						K. KTCN
47	FIM4104	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	6						
47.1	FIM4108	Cải tiến năng suất	3						
47.2	FIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3						
Tổng số tín chỉ toàn CTĐT: 121 TC (Bắt buộc: 112 TC; Tự chọn: 09 TC)									

2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT



Ghi chú:

Các HP đại cương

Các HP cơ sở ngành

Đề án môn học

Các HP liên ngành

Các HP chuyên ngành

Các HP thực tập/KLTN

Các HP nhóm ngành

3. Kế hoạch giảng dạy (3 học kỳ chính)

HỌC KỲ 1

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác – Lênin	3		
2	ENG112	Tiếng Anh 1	3		
3	Tự chọn đại cương (Chọn 1 trong 2 tổ hợp)		4		
3.1	FIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(2)		
3.2	FIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành QLCN	(2)		
3.3	FIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	(2)		
Tổng			10		

HỌC KỲ 2

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	FIM204	Kinh tế học vi mô	3		
3	FIM207	Pháp luật đại cương	2		
4	ENG113	Tiếng Anh 2	3		
5	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc			
Tổng			10		

HỌC KỲ 3

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS0210	Xác suất và thống kê	2		
2	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
3	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3		
4	ENG217	Tiếng Anh 3	3		
5	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)				
5.1	B103BC1	Bóng chuyền 1			
5.2	B103BD1	Bóng đá 1			
5.3	B103BR1	Bóng rổ 1			
5.4	B103CL1	Cầu lông 1			
5.5	B103BK1	Pickleball 1			
5.6	B103BH1	Bóng chuyền hơi 1			
Tổng			10		

HỌC KỲ 4

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM214	Toán Kinh tế	3		
2	FIM330	Luật kinh doanh	2		
3	FIM0380	Đề án Kinh tế học	1		
4		Giáo dục quốc phòng			
5	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)				Không chọn học phần đã học ở học kỳ 3
5.1	B103BC1	Bóng chuyền 1			
5.2	B103BD1	Bóng đá 1			
5.3	B103BR1	Bóng rổ 1			
5.4	B103CL1	Cầu lông 1			
5.5	B103BK1	Pickleball 1			
5.6	B103BH1	Bóng chuyền hơi 1			
Tổng			6		

HỌC KỲ 5

STT	Mã số HP	Tên học phần	TC	TN, TH	GC
1	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3		
2	FIM208	Quản trị học	3		
3	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		
4	FIM206	Nguyên lý kế toán	3		
Tổng			11		

HỌC KỲ 6

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM213	Nguyên lý thống kê	2		
2	FIM331	Marketing căn bản	3		
3	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3		
4	MEC0347	Kỹ thuật cơ khí đại cương	2		
Tổng			10		

HỌC KỲ 7

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3		
2	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3		
3	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
4	FIM0324	Quản lý sản xuất công nghiệp	4		
Tổng			12		

HỌC KỲ 8

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM497	Giao tiếp kinh doanh	3		
2	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3		
3	FIM369	Đồ án Quản lý sản xuất công nghiệp	1		
4	FIM0381	Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp	2		
5	FIM367	Kinh tế công nghiệp	3		
Tổng			12		

HỌC KỲ 9

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3		
2	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
3	FIM361	Quản lý dự án	4		
Tổng			10		

HỌC KỲ 10

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM0390	Định mức lao động	2		
2	FIM489	Quản trị chiến lược	3		
3	FIM323	ĐA quản lý dự án	1		
4	FIM451	Quản lý công nghệ	2		
5	FIM325	Kế toán quản trị 2	2		
Tổng			12		

HỌC KỲ 11

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM364	Quản trị chất lượng	3		
2	FIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3		
3	Tự chọn chuyên ngành (chọn 1 tổ hợp học phần)		5		
3.1	Tổ hợp 1				
3.1.1	FIM0475	Quản trị theo mục tiêu	(2)		

3.1.2	FIM0471	Khởi sự kinh doanh	(3)		
3.2	Tổ hợp 2				
3.2.1	FIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	(2)		
3.2.2	FIM0472	Quản trị thương hiệu	(3)		
3.3	Tổ hợp 3				
3.3.1	FIM493	Văn hóa kinh doanh	(2)		
3.3.2	FIM494	Kỹ năng quản trị	(3)		
3.4	Tổ hợp 4				
3.4.1	FIM0473	Hệ thống sản xuất Lean	(2)		
3.4.2	FIM0484	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	(3)		
Tổng			11		

HỌC KỲ 12

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM4103	TTTN ngành Quản lý công nghiệp	3		
2	FIM4104	KLTN ngành Quản lý công nghiệp (hoặc thay thế đồ án tốt nghiệp)	6		
2.1	FIM4108	Cải tiến năng suất	3		
2.2	FIM4109	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3		
Tổng			9		

VIII. MA TRẬN KIẾN THỨC KỸ NĂNG

8.1. Phương án tổ chức 3 học kỳ chính

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
	1				2				3				4			
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
HỌC KỲ 1																
BAS123 – Triết học Mác-Lênin	2			3					3							
ENG112 - Tiếng Anh 1	3						3		3	3						
Tự chọn đại cương																
FIM0101- <i>Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>	2			2			2									
FIM0102- <i>Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp</i>	2						2				2					
FIM0103- <i>Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp</i>	2						2	2			2					
HỌC KỲ 2																
BAS215 - Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2			3					3							
FIM204 - Kinh tế học vi mô		3		3			3									
FIM207 - Pháp luật đại cương	3								3							
ENG113 - Tiếng Anh 2	3						3		3	3						
BAS0109 – Giáo dục thể chất bắt buộc	2			2					2							
HỌC KỲ 3																
BAS0210 - Xác suất và thống kê	2			2		2	2									
FIM205 - Kinh tế học vĩ mô		3		3			3									
ENG217 - Tiếng Anh 3	3						3	3	3	3						

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
	1				2				3				4			
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
BAS305 - Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			3					3							
HỌC KỲ 4																
FIM214 - Toán Kinh tế		3			3		3									
FIM330 - Luật kinh doanh		2		3		3	3									
FIM0380 - Đề án Kinh tế học		3		3		3	3									
Giáo dục quốc phòng																
Giáo dục thể chất tự chọn																
<i>B103BC1 – Bóng chuyền 1</i>	2			2					2							
<i>B103BD1 – Bóng đá 1</i>	2			2					2							
<i>B103BR1 – Bóng rổ 1</i>	2			2					2							
<i>B103CL1 – Cầu lông 1</i>	2			2					2							
HỌC KỲ 5																
ELE0205 - Kỹ thuật điện đại cương		3		3				3	3							
FIM208 - Quản trị học		3					3						3	3		
BAS217 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			3					3							
FIM206 - Nguyên lý kế toán		3				3	3	3		2						
HỌC KỲ 6																
FIM213 - Nguyên lý thống kê		3		3			3									
FIM331 - Marketing căn bản		3		3							3	3				
FIM216 - Lý thuyết tài chính tiền tệ		3		3				3								
MEC0347 - Kỹ thuật cơ khí đại cương		3		3					3	3				3		3

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
		1				2				3				4			
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
HỌC KỲ 7																	
FIM0301- Tin học trong Quản lý công nghiệp	2							3									
FIM371 - Thống kê doanh nghiệp	3						3	3					3				
BAS110 - Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				3					3							
FIM0324 - Quản lý sản xuất công nghiệp				2				3		3				3	3	4	
HỌC KỲ 8																	
FIM497 - Giao tiếp kinh doanh	3									3	4						
FIM367 - Kinh tế công nghiệp	3											2		3	3		
FIM334 – Tài chính doanh nghiệp	3						3	3					3				
FIM0381 - Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp	3		2	2	3		3						3				
FIM369 - Đa Quản lý sản xuất công nghiệp								3		3				3	3		
HỌC KỲ 9																	
FIM482 – Phân tích hoạt động kinh doanh	3							3					3				
FIM362 - Quản trị nguồn nhân lực	4											3		3	3	3	3
FIM361 - Quản lý dự án				2										3	3	3	3
HỌC KỲ 10																	
FIM325 - Kế toán quản trị 2				3			3	3			3					3	3
FIM489 - Quản trị chiến lược				3								3	3			3	
FIM323 - Đa quản lý dự án										3				3	3	4	
FIM0390 - Định mức lao động				2												4	4
FIM451 - Quản lý công nghệ				3								3		4			3
HỌC KỲ 11																	

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
		1				2				3				4			
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
FIM363 - Quản trị chuỗi cung ứng				3	3									3	3	3	3
FIM364 - Quản trị chất lượng				2			3	3									3
Học phần tự chọn chuyên ngành (chọn 1 trong 4 tổ hợp học phần)																	
Tổ hợp 01																	
FIM0475- Quản trị mục tiêu				3				2		3							
FIM0471- Khởi sự kinh doanh				3							3			3	3		
Tổ hợp 02																	
Quản trị thương mại trong DNCN				3								2	4				
FIM0472- Quản trị thương hiệu				4	3							3		3			
Tổ hợp 03																	
FIM493- Văn hóa kinh doanh				3					3			2				3	
FIM494 - Kỹ năng quản trị				3						3	3						
Tổ hợp 04																	
FIM0473 - Hệ thống sản xuất Lean				3				3									3
FIM0484Đánh giá hệ thống quản trị chất lượng				3			3			3							3
HỌC KỲ 12																	
FIM4103 - Thực tập TN ngành Quản lý công nghiệp					3						3	4	4				
FIM4104 - Khóa luận TN ngành Quản lý công nghiệp				4	3			4			4						3

PHẦN II. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG

1. Triết học Mác - Lênin (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung học phần trình bày về lý luận của kinh tế chính trị Mác - Lênin và một số vấn đề kinh tế của Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Điều kiện tiên quyết:* Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng từ năm 1930 đến nay. Qua đó khẳng định những thành công, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Điều kiện tiên quyết:* Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

6. Xác suất và thống kê (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần xác suất thống kê là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên các ngành Kinh tế và Điện tử viễn thông. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê bao gồm: các phép tính về xác suất, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thiết thống kê, lý thuyết về tương quan và hồi quy, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

7. Tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2 và cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp đã học trong việc luyện tập và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện khả năng luyện tập, thuyết trình các chủ đề, tình huống đã học.

8. Tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2.

9. Tiếng Anh 3 (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như nhà cửa, thói quen, cuộc sống sinh viên, giải trí, thời tiết, sức khỏe, giao thông. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ B1.

10. Tin học trong Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 15/30/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tin học trong Quản lý công nghiệp là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tin học văn phòng; các phần mềm ứng dụng trong quản lý dự án, quản lý chuỗi cung ứng và quản lý sản xuất trong doanh nghiệp công nghiệp; soạn thảo hợp đồng kinh tế. Học phần này sẽ giúp sinh viên bổ sung các kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

11. Pháp luật đại cương (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương như khái quát chung về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; Luật Hiến pháp; Luật Hành chính; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; pháp luật về phòng, chống tham nhũng, giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của bản thân và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

12. Giáo dục thể chất bắt buộc

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giáo dục thể chất bắt buộc là học phần bắt buộc. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Thể dục và Điền kinh (chạy 100m). Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

13. Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1, Bóng đá 1, Bóng rổ 1, Cầu lông 1)

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1, Bóng đá 1, Bóng rổ 1, Cầu lông 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

14. Giáo dục quốc phòng – an ninh

15. Học phần tự chọn đại cương

15.1 Lịch sử các học thuyết kinh tế (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; chủ nghĩa Trọng thương; trường phái kinh tế chính trị học cổ điển; học thuyết kinh tế của K.Marx – V.I.Lênin; học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển; học thuyết kinh tế Trường phái Keynes; học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế theo thời gian.

15.2. Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Định hướng nghề nghiệp chuyên ngành Quản lý công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

15.3. Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên của ngành. Học phần bao gồm các nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

II. KHỐI KIẾN THỨC NỀN TẢNG KỸ THUẬT CỐT LÕI (Liên ngành, Nhóm ngành, Cơ sở ngành)

16. Kỹ thuật cơ khí đại cương (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ thuật cơ khí đại cương giới thiệu các kiến thức cơ bản về sản xuất cơ khí, vật liệu kỹ thuật, cơ cấu, hệ thống và nguyên lý truyền động trong cơ khí, các quá trình gia công cơ khí, cơ bản về kỹ thuật công nghệ và hoạt động của máy công cụ thông dụng, máy công cụ CNC.

17. Kỹ thuật điện đại cương (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ thuật điện đại cương cung cấp kiến thức tổng quan về mạch điện tuyến tính; phương pháp phân tích các bài toán mạch

điện tuyến tính một pha và ba pha với kích thích hình sin; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý, các chế độ làm việc của các loại máy điện tĩnh và máy điện động như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số linh kiện bán dẫn cơ bản và cách tính toán các mạch điện tử thông dụng. Giúp sinh viên có khả năng phân tích, tính toán và ứng dụng các mạch điện thông dụng trong thực tế. Ngoài ra, sinh viên được làm quen với hoạt động làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

18. Luật kinh doanh (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Luật kinh doanh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, về ngành luật kinh doanh, quy chế pháp lý về thành lập, quản lý, điều hành và tổ chức lại doanh nghiệp; pháp luật phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp kinh doanh, giúp sinh viên nắm được pháp luật về kinh doanh - thương mại, tổ chức doanh nghiệp, trang bị kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn trong hoạt động kinh doanh theo pháp luật Việt Nam.

19. Toán kinh tế (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Toán kinh tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế một mô hình; giới thiệu về một số mô hình kinh tế đang được áp dụng trên thực tế; cung cấp hệ thống lý luận về phương pháp giải một số bài toán tối ưu hóa; ứng dụng lý thuyết trò chơi ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. Học phần này sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến các bài toán kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

20. Kinh tế học vi mô (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế học vi mô thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức gồm: Các quy luật kinh tế cơ bản; Lý thuyết cung - cầu; độ co giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần này là cơ sở, nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên ngành sau này.

21. Kinh tế học vĩ mô (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế học vĩ mô nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, phát triển tư duy kinh tế, giúp người học làm quen với phương pháp phân tích và lập luận trong kinh tế, từ đó có cái nhìn năng

động về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường. Học phần này giúp sinh viên vận dụng được các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể trong quá trình vận hành nền kinh tế cũng như tham gia hoạt động kinh tế; hiểu được các chính sách và công cụ điều tiết vĩ mô của Chính phủ trong thực tiễn cũng như tham gia xây dựng và hoàn thiện các chính sách vĩ mô của chính phủ. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

22. Lý thuyết tài chính tiền tệ (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần cơ sở ngành thuộc chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; tài chính doanh nghiệp; các tổ chức tài chính trung gian; lãi suất; chính sách tiền tệ; lạm phát. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để giải quyết một số vấn đề tài chính tiền tệ phát sinh trong thực tiễn và là nền tảng giúp sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành có liên quan.

23. Nguyên lý kế toán (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, là cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

24. Marketing căn bản (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Marketing căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động marketing trong doanh nghiệp, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để khám phá cơ hội marketing và các hoạt động marketing thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động marketing của doanh nghiệp.

25. Nguyên lý thống kê (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần nguyên lý thống kê là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê thường dùng; các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; các bước tổng hợp, phân tích, xử lý

thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành liên quan.

26. Thống kê doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thống kê doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó giúp nhà quản lý nắm được tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp mình để xây dựng các kế hoạch phát triển trong tương lai cho phù hợp với điều kiện thực tế; Ngoài ra, môn học còn giúp cho người học biết và hiểu được về một số nội dung cần thống kê trong doanh nghiệp như thống kê chất lượng sản phẩm; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về quy mô, cơ cấu nguồn nhân lực (lao động), chất lượng nguồn nhân lực và tình hình sử dụng; phương pháp thống kê và đánh giá TSCĐ; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Đây là những kiến thức căn bản trong doanh nghiệp mà một nhà quản lý cần nắm được để làm nền tảng cho việc đưa ra các quyết định quản lý giúp doanh nghiệp phát triển hơn trong tương lai.

27. Tài chính doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tài chính doanh nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp gồm phân tích báo cáo tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, huy động vốn và chi phí vốn của doanh nghiệp, quản lý tài sản của doanh nghiệp. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp để sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

28. Phân tích các hoạt động kinh doanh (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chính, là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

29. Đề án Kinh tế học (Số tín chỉ: 1TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án kinh tế học là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nhằm áp dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết các bài toán trong thực tế như tìm hiểu về cung, cầu, chi phí, giá cả, doanh thu, lợi nhuận, cạnh tranh và độc quyền; biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát. Học phần này củng cố kiến thức của học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ, các mô hình và các phương pháp kinh tế học để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể.

30. Quản trị học (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị học là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở của chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm những nội dung kiến thức về: Tổ chức/doanh nghiệp và môi trường hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp; Nhà quản trị và hoạt động ra quyết định của nhà quản trị, 04 chức năng quản trị lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần giúp sinh viên có góc nhìn tổng quan về hoạt động của một tổ chức/doanh nghiệp, đồng thời đóng góp vai trò cung cấp kiến thức nền tảng cho sinh viên tiếp thu các học phần quản trị lĩnh vực trong khối kiến thức chuyên ngành.

31. Kế toán quản trị 2 (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán quản trị 2 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, bản chất, đối tượng, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí; Mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận; Nhận diện, phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn. Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu, biết cách vận dụng để thu thập và cung cấp thông tin giúp Nhà quản trị đưa ra quyết định quản lý trong quá trình điều hành doanh nghiệp.

32. Giao tiếp kinh doanh (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giao tiếp kinh doanh là học phần cơ sở ngành Quản lý công nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giao tiếp kinh doanh (các hình thức và phương tiện giao tiếp) và các kỹ năng trong giao tiếp kinh doanh, cách ứng xử với các đối tượng giao tiếp khác nhau ở nơi làm việc. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, trong kinh doanh để có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường thực tế sau khi tốt nghiệp.

33. Quản trị chiến lược (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản trị học*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung kiến thức về: khái quát về chiến lược, quá trình phát triển và mô hình quản trị chiến lược; phân tích môi trường vĩ mô và vi mô để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của doanh nghiệp; phân tích và lựa chọn chiến lược thích hợp cho từng cấp chiến lược của doanh nghiệp (cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh và cấp chức năng); thực thi và điều chỉnh chiến lược. Học phần quản trị chiến lược trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy về xây dựng chiến lược và những cơ sở khoa học giúp sinh viên tìm kiếm các giải pháp giúp tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân đạt được mục tiêu mong muốn.

34. Kinh tế công nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế công nghiệp thuộc học phần chuyên ngành quản lý công nghiệp, học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngành công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp Việt Nam nói riêng và sự quản lý ở tầm vĩ mô của Nhà nước đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Ngoài ra học phần sẽ giúp sinh viên hiểu biết hơn về vấn đề kinh tế xã hội cũng như được trang bị thêm các kiến thức và kỹ năng để hòa nhập và phát triển trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

35. Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 0/120/60*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản trị học*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập cơ sở chuyên ngành Quản lý Công nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở 3 năm gần nhất; lựa chọn và báo cáo chi tiết thực trạng một trong bốn hoạt động sản xuất kinh doanh chính của cơ sở; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực lựa chọn báo cáo. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết vào tìm hiểu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp.

36. Quản trị nguồn nhân lực (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản trị học*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị nguồn nhân lực là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực,

phân tích công việc, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, giải quyết các quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan đến quản lý nguồn lực con người trong tổ chức nhằm thu hút, sử dụng và duy trì lực lượng lao động đủ về lượng, đúng về chất và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động trong doanh nghiệp.

37. Định mức lao động (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Định mức lao động là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Phân công và hiệp tác lao động, Tổ chức và phục vụ nơi làm việc và Định mức lao động. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm bắt được các công cụ và phương pháp xây dựng định mức lao động cho mỗi công việc và tổ chức khoa học các hoạt động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động.

38. Quản lý công nghệ (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản lý công nghệ là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về quản lý công nghệ như: đánh giá công nghệ, lựa chọn và chuyển giao công nghệ; đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ của tổ chức.

III. KHỐI KIẾN THỨC NỀN TẢNG KỸ THUẬT NÂNG CAO (Chuyên ngành)

39. Quản trị chất lượng (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản trị học*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chất lượng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm ba nội dung chính: những vấn đề chung về quản trị chất lượng (vị trí, vai trò, các nguyên tắc và phương pháp quản trị chất lượng); một số hệ thống quản trị chất lượng đang được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay như ISO, TQM...; một số kỹ thuật và công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và các công cụ đảm bảo, cải tiến chất lượng. Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết và vận dụng vào việc quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý hoạt động của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

40. Quản lý dự án (Số tín chỉ: 4TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 60/0/120*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản lý dự án là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát về dự án và đặc điểm, vai trò của dự án; lựa chọn dự án và quản lý danh mục dự án của doanh

nghiệp; lập các kế hoạch dự án (phạm vi, tiến độ, tài chính, ...); thực hiện và kiểm soát quá trình thực hiện dự án. Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn một cách toàn diện về dự án – công cụ triển khai chiến lược kinh doanh phổ biến trong nền kinh tế hiện nay đồng thời trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể hòa nhập với phương thức làm việc này sau khi ra trường.

41. Quản lý sản xuất công nghiệp (Số tín chỉ: 4TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 60/0/120*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản lý sản xuất công nghiệp là học phần chuyên ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm những nội dung chính: Dự báo nhu cầu, quản trị công suất, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị dự trữ sản xuất hệ thống, cung cấp đúng thời hạn trong hệ thống sản xuất sản phẩm công nghiệp, xác định mối quan hệ chặt chẽ với các chức năng quản lý khác và cung cấp các công cụ, phương pháp điều độ sản xuất, kiểm soát hệ thống sản xuất.... Học phần sẽ giúp cho sinh viên nắm được phương pháp tổ chức và điều hành sản xuất trong doanh nghiệp.

42. Quản trị chuỗi cung ứng (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị chuỗi cung ứng thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để xác định mô hình chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, ngành và phân tích các hoạt động quản lý chuỗi cung ứng thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động của chuỗi cung ứng.

43. Đề án Quản lý sản xuất công nghiệp (Số tín chỉ: 1TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 0/60/30*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản lý sản xuất công nghiệp*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án Quản lý dự án là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung về: phân tích môi trường để đánh giá và lựa chọn dự án; phân tách các công việc của dự án và lập kế hoạch tiến độ, tài chính trên cơ sở phân tách đó. Học phần nhằm củng cố lại các kiến thức đã học về Quản lý dự án của sinh viên và trang bị thêm cho sinh viên những kỹ năng thực tế trong lập kế hoạch cho một dự án cũng như tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong quản lý dự án.

44. Đề án Quản dự án (Số tín chỉ: 1TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 0/60/30*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản lý dự án*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án Quản lý dự án là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung về: phân

tích môi trường để đánh giá và lựa chọn dự án; phân tách các công việc của dự án và lập kế hoạch tiến độ, tài chính trên cơ sở phân tách đó. Học phần nhằm củng cố lại các kiến thức đã học về Quản lý dự án của sinh viên và trang bị thêm cho sinh viên những kỹ năng thực tế trong lập kế hoạch cho một dự án cũng như tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong quản lý dự án.

45. Tự chọn chuyên ngành (Số tín chỉ: 2TC)

45.1. Tổ hợp 01

45.1.1. Quản trị mục tiêu (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị theo mục tiêu là học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tổng quan về bản chất và sự phát triển của lý thuyết về quản trị theo mục tiêu và những phương pháp quản trị theo mục tiêu phổ biến như KPIs, BSC, OKRs. Học phần này sẽ giúp sinh viên xây dựng thái độ đúng đắn trong quản trị bản thân cũng như cập nhật những phương pháp quản trị tiên tiến đang được triển khai trong các doanh nghiệp hiện nay.

45.1.2. Khởi sự kinh doanh (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về nghề kinh doanh và những kỹ năng cơ bản để trở thành một người chủ doanh nghiệp “thành đạt” trên nền kinh tế thị trường. Những yếu tố cần thiết để hình thành một ý tưởng kinh doanh tốt, khả thi có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao cho doanh nghiệp, hướng dẫn cách để có thể soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh. Khi đã hình thành được một bản kế hoạch kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải triển khai kế hoạch kinh doanh đó, sinh viên sẽ nắm được những cách thức để có thể triển khai hoạt động kinh doanh từ những bước căn bản nhất đến khi thực hiện được đúng với bản kế hoạch kinh doanh đã vạch ra từ trước.

45.2. Tổ hợp 02

45.2.1. Quản trị thương mại trong DNCN (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị thương mại trong doanh nghiệp công nghiệp là một trong những học phần tự chọn ngành quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: hoạch định và thực thi chương trình thương mại của doanh nghiệp công nghiệp; hành vi ứng xử của doanh nghiệp trên các thị trường nhằm góp phần đạt được hệ thống các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này giúp sinh viên bổ sung kiến thức về hoạt động thương mại, từ đó dễ dàng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau sau khi tốt nghiệp.

45.2.2. Quản trị thương hiệu (Số tín chỉ: 3TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị thương hiệu thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để khám phá về cấu trúc của thương hiệu, quá trình xây dựng và quảng bá và phát triển thương hiệu trong thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội, của môi trường ngành tới hoạt động quản trị thương hiệu của doanh nghiệp.

45.3. Tổ hợp 03

45.3.1. Văn hóa kinh doanh (Số tín chỉ: 2TC)

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa trong kinh doanh, cụ thể về Triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân và văn hóa doanh nghiệp. Người học nắm được vai trò và cách vận dụng các nội dung đó trong các hoạt động kinh doanh nhằm phát triển kinh doanh bền vững cho doanh nghiệp.

45.3.2. Kỹ năng quản trị (Số tín chỉ: 3TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Kỹ năng quản trị doanh nghiệp theo ba phần nội dung chính: Phần thứ nhất giới thiệu những vấn đề về kỹ năng cá nhân như kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản trị stress, kỹ năng tư duy sáng tạo và xây dựng thương hiệu cá nhân. Phần thứ hai giới thiệu các kỹ năng quan hệ con người như kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng đàm phán, kỹ năng trao quyền và ủy quyền. Phần thứ ba giới thiệu một số kỹ năng chuyên biệt trong quản trị điều hành như kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh và phân tích tài chính.

45.4. Tổ hợp 04

45.4.1. Hệ thống sản xuất Lean (Số tín chỉ: 2TC)

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Điều kiện tiên quyết: Quản lý sản xuất công nghiệp

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Hệ thống sản xuất Lean (Lean Manufacturing) là học phần tự chọn cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp. Học phần giới thiệu tổng quan Lean Manufacturing, các công cụ và phương pháp cơ bản của Lean Manufacturing và các cách tiếp cận trong triển khai Lean Manufacturing.

45.4.2. Đánh giá hệ thống quản trị chất lượng (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng là học phần tự chọn cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tổng quan chung về đánh giá hệ thống quản lý chất lượng, quản lý chương trình đánh giá và thực hiện đánh giá hệ thống quản lý, cũng như hướng dẫn về việc đánh giá năng lực của các cá nhân tham gia vào quá trình đánh giá.

46. Thực tập tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/180/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý dự án, Quản trị chuỗi cung ứng

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần thực tế chuyên môn dành cho sinh viên của ngành Quản lý công nghiệp. Dựa trên cơ sở kiến thức và chuyên môn đã học, học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội đánh giá thực tế áp dụng các lý thuyết đã học tại các cơ sở thực tập. Học phần này giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc trong thực tiễn để tìm hiểu và hoàn thành báo cáo về: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, thực trạng các hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập.

47. Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 6TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/360/180

- *Điều kiện tiên quyết:* Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Khóa luận tốt nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Sinh viên hoàn thành báo cáo khóa luận tốt nghiệp về: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị nghiên cứu và thực trạng hoạt động nghiên cứu (số liệu được phân tích, đánh giá của đơn vị nghiên cứu 03 năm gần nhất); đề xuất một số giải pháp cụ thể giúp đơn vị nghiên cứu khắc phục được những tồn tại. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tế hoạt động quản trị trong tổ chức trong mối liên hệ với các yếu tố môi trường ngành, môi trường vĩ mô, nghiên cứu sâu một hoạt động (lĩnh vực) cụ thể của tổ chức, các khía cạnh liên quan đến vấn đề thực tiễn để đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hay giải quyết vấn đề cụ thể đang tồn tại của tổ chức.



